

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **60/2019/DS-ST**

Ngày 18/11/2019

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trọng Phụng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Thanh.

2. Ông Trương Minh Mẫn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2019/TLST – DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST- DS, ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV.

Địa chỉ trụ sở: số 89 L, Phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 1- tầng 2 Tòa nhà AMC số 96 C, Phường 4, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ, VBP Hội sở. (Theo giấy ủy quyền số 02/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018).

Người được ủy quyền lại của người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngân Xuân T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019) (có mặt).

Địa chỉ: 35-37 N, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngân Xuân T trình bày:

Ngày 07/8/2017, ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H (gọi tắt là vợ chồng ông T) có thực hiện hợp đồng số LN1707310134590/NTG/HĐTD tại Ngân hàng TMCP Việt Nam TV – Chi nhánh N, tỉnh Khánh Hòa với số tiền cụ thể là 476.000.000đ đến ngày 08/08/2017 thì ngân hàng thực hiện việc giải ngân khoản vay trên cho vợ chồng ông T. Thời hạn vay là 83 tháng từ ngày 08/08/2017 đến ngày 8/7/2024, lãi suất cho vay trong hạn là 10,9%/năm; cố định trong 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi (từ ngày 08/8/2018) lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng của ngân hàng, cộng biên độ 5,5%/năm. Từ ngày 01/10/2018, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm. Lãi suất quá hạn hiện nay là 22.35%/năm. Khi vay, vợ chồng ông T đảm bảo tài sản để thế chấp là xe ô tô MISTSUBISHI theo hợp đồng thế chấp số LN1707310134590/NTG/HĐTC ngày 07/8/2017 đã được đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng, ngày 16/10/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông T đã trả cho ngân hàng 40.250.000đ tiền nợ gốc và 29.772.458đ tiền lãi suất tạm tính đến ngày 29/03/2018. Từ ngày 30/3/2019 trở đi, vợ chồng ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Tổng số tiền ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H còn nợ ngân hàng theo hợp đồng LN1707310134590/NGT/HĐTD là 554.685.164đ. (Trong đó: nợ gốc là 435.750.000đ và nợ lãi là 118.935.164đ lãi suất tạm tính đến ngày 18/11/2019).

Tiếp đến ngày 28/7/2017, ông Võ Văn T tiếp tục thực hiện hợp đồng vay theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 với số nợ gốc là 59.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích vay là mua đồ gia dụng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 20%/năm; Lãi suất quá hạn hiện tại là 30%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ Văn T đã thanh toán cho ngân hàng 8.896.209đ tiền nợ gốc và 6.725.538đ tiền lãi suất tạm tính đến ngày 29/03/2018. Quá trình thực hiện, mặc dù bà Phạm Thị H là vợ ông T không ký kết vào hợp đồng trên nhưng mục đích của việc vay tiền là mua đồ gia dụng, chi tiêu sinh hoạt gia đình nên ngân hàng khởi kiện bà Phạm Thị H có trách nhiệm cùng ông Võ Văn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Từ ngày 30/3/2019, vợ chồng ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Tổng số tiền ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H còn nợ ngân hàng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 là 75.199.099đ. (Trong đó: nợ gốc là 50.103.791đ và nợ lãi là 25.095.308đ tạm tính đến ngày 18/11/2019).

Nay đối với hai khoản vay trên đã quá hạn về nợ gốc và lãi suất nên ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H có trách nhiệm trả cho ngân hàng 629.884.263đ và lãi suất cụ thể như sau:

- Lãi suất phát sinh từ ngày 19/11/2019 theo hợp đồng LN1707310134590/NGT/HĐTD trên số nợ gốc 435.750.000đ cho đến khi vợ chồng ông T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Lãi suất phát sinh từ ngày 19/11/2019 theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ

Ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 trên số nợ gốc 50.103.791đ cho đến khi vợ chồng ông T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Trường hợp vợ chồng ông T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay theo hợp đồng thế chấp số LN1707310134590/NTG/HĐTC ngày 07/8/2017 đã ký giữa vợ chồng ông T và Ngân hàng. Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm trên mà ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H vẫn chưa trả hết nợ thì ông T và bà H vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành làm việc được, tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt đồng bị đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV số tiền 629.884.263đ đồng và lãi suất theo thỏa thuận trong hai hợp đồng đã ký kết với ngân hàng.

Về án phí: Đồng bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Tòa án T hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

3.1/ Về số nợ:

Ngày 07/8/2017, vợ chồng ông Võ Văn T thực hiện hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV – Chi nhánh N, tỉnh Khánh Hòa với số tiền cụ thể là 476.000.000đ và lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng, đến ngày 08/8/2017 thì giải ngân. Tiếp đến ngày 28/7/2017, ông Võ Văn T tiếp tục thực hiện hợp đồng vay theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 với số nợ gốc là 59.000.000đ và lãi suất theo thỏa thuận theo hợp đồng vay không tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông T đã trả cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LN1707310134590/NGT/HĐTD ngày 07/8/2019 là ngân hàng 40.250.000đ tiền nợ gốc và 29.772.458đ tiền lãi suất tạm tính đến ngày 29/03/2018; Ông Võ Văn T đã trả cho ngân hàng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 là 8.896.209đ tiền nợ gốc và 6.725.538đ tiền lãi suất tạm tính đến ngày 29/03/2018. Từ ngày 30/3/2019 cho đến nay, vợ chồng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

3.2/ Xét hợp đồng vay không tài sản bảo đảm theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 được lập giữa ngân hàng và ông Võ Văn T: Tại thời điểm thực hiện hợp đồng, mặc dù bị đơn là bà Phạm Thị H không cùng thực hiện việc vay mượn với ông Võ Văn T. Tuy nhiên, mục đích của hợp đồng trên là vay tiêu dùng phục vụ sinh hoạt gia đình, ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình, cần buộc bà Phạm Thị H cùng ông Võ Văn T có trách nhiệm trả khoản nợ gốc và lãi suất phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, cần buộc vợ chồng ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 629.884.263đ và lãi suất cụ thể như sau:

- Lãi suất phát sinh từ ngày 19/11/2019 theo hợp đồng LN1707310134590/NGT/HĐTD trên số nợ gốc 435.750.000đ cho đến khi vợ chồng ông T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Lãi suất phát sinh từ ngày 19/11/2019 theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 trên số nợ gốc 50.103.791đ cho đến khi vợ chồng ông T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Trường hợp ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại TRITON, số khung KK30HH033427, số máy 4D56UAL7681, biển kiểm soát: 47C-168.09, đứng tên ông Võ Văn T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031243 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/08/2017 theo hợp đồng thế chấp số LN1707310134590/NTG/HĐTC ngày 07/8/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV và

ông Võ Văn T, bà Phạm Thị H. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên, ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H vẫn chưa trả hết nợ cho ngân hàng thì ông T, bà H cần phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định là:

629.884.263 đồng = 20.000.000đ + (4% x 229.884.263 đồng) = 29.195.000 đồng (hai mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn, đã làm tròn).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 318; Điều 319; Điều 325; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV.

Buộc vợ chồng ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV số tiền 629.884.263 đồng (sáu trăm hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm sau ba đồng)

Ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN1707310134590/NGT/HĐTD ngày 07/8/2019 trên số nợ gốc khoản nợ gốc 435.750.000 đồng, kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H tiếp tục trả lãi phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/7/2017 trên khoản nợ gốc 50.103.791 đồng, kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: Xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại TRITON, số khung KK30HH033427, số máy 4D56UAL7681, biển kiểm soát: 47C-168.09, đứng tên ông Võ Văn T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031243 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/08/2017 theo hợp đồng thế chấp số LN1707310134590/NTG/HĐTC ngày 07/8/2017 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV và ông Võ Văn T, bà Phạm Thị H. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu

trên, ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H vẫn chưa trả hết nợ cho ngân hàng thì ông T, bà H cần phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

Sau khi ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H trả nợ xong cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV, Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H giấy tờ kèm theo hợp đồng đã thế chấp là: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031243 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/08/2017, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại TRITON, số khung KK30HH033427, số máy 4D56UAL7681, biển kiểm soát: 47C-168.09, đứng tên ông Võ Văn T.

Về án phí:

Về án phí: Ông Võ Văn T và bà Phạm Thị H phải chịu 29.195.000 đồng (hai mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Việt Nam TV được nhận lại 13.327.000 đồng (Mười ba triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar theo biên lai thu số AA/2017/0013864 ngày 26/4/2019.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Trọng Phụng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA